

Tp. Vũng Tàu, ngày 13 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018
của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Kính gửi : Đại Hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Căn cứ Khoản 1, Điều 16 Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD và đầu tư XD/CB thực tế của Công ty;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 159/TTr-SMBĐ ngày 09/03/2018 về việc xin phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 của Công ty,

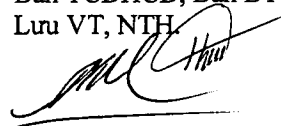
Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình kính trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

(Nội dung cụ thể như Phụ lục đính kèm)

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Ban TCDH/CĐ, Ban BT Website;
- Lưu VT, NTH.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Hải Bình

PHỤ LỤC

Kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2018
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
(Kèm theo Tờ trình số 16/CTTr-HĐQT ngày 13/03/2017)

A) NHIỆM VỤ

1. Tập trung tối đa nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty trong những năm tiếp theo. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Tổng Công ty PTSC và Điều lệ Công ty trong mọi hoạt động.
2. Triển khai tốt nhiệm vụ đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình theo kế hoạch được phê duyệt, đảm bảo đáp ứng nhu cầu và hiệu quả khai thác, tiết kiệm vốn đầu tư. Tăng cường công tác marketing tìm kiếm đối tác, khách hàng để hợp tác đầu tư, phát triển các dịch vụ căn cứ cảng tại Công ty.
3. Thực hiện tốt công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình, phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD tại Công ty. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ tiến độ, chi phí các dự án đầu tư nhằm đảm bảo nhanh chóng hoàn thành đầu tư và sớm đưa vào khai thác sử dụng, nâng cao hiệu quả SXKD.
4. Hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, bộ máy tổ chức quản lý, điều hành của Công ty, phát huy tính độc lập, tự chủ, năng động và kỷ luật trong giai đoạn phát triển mới. Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn, môi trường, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, 14001 và OHSAS 18001. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.
5. Đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động về chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD dịch vụ.
6. Thực hiện khen thưởng kịp thời, tăng cường kỷ luật, đảm bảo các chế độ, chính sách để người lao động an tâm công tác; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa doanh nghiệp PTSC đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa năng lực, nhiệt huyết góp phần hoàn thành mục tiêu chung.
7. Sẵn sàng tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ khác khi được Tổng Công ty PTSC giao.

B) CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2018

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	51,00
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	167,68
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,02
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,74
II	Các chỉ tiêu đầu tư (Chi tiết như Mục C đính kèm)		
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	15,33
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	18,75
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	18,75
+	Vốn vay/khác	Tỷ đồng	0,00

181
TY
AN
AU
SEN D
BÀ R

C) KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018

TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Thời gian		Quyết định phê duyệt F/S		Tổng mức đầu tư/ dự toán			Ước thực hiện từ khởi công đến 31/12/2017				Kế hoạch năm 2018				Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Số QĐ phê duyệt đầu tư	Ngày tháng	Tổng số	Nguồn vốn		Thực hiện	Giải ngân	Nguồn vốn		Thực hiện	Giải ngân	Nguồn vốn		
								Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác	
Gộp 2 và 92 Đầu tư dự án Khu dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình																		
TỔNG SỐ (I+II)																		
+	Ngoại tệ	Tr.USD					0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
+	Nội tệ	Tr.VNĐ					117.724,28	117.724,28	0,00	94.902,80	89.894,95	89.894,95	0,00	15.326,74	18.752,59	18.752,59	0,00	
+	Quy đổi VNĐ(áp dụng tỷ giá 23.000VNĐ/USD)	Tỷ đồng					117,72	117,72	0,00	94,90	89,89	89,89	0,00	15,33	18,75	18,75	0,00	
PHẦN I: CÁC CÔNG TRÌNH ĐTXDCB																		
	Ngoại tệ	Tr.USD					0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
	Nội tệ	Tr.VNĐ					115.104,28	115.104,28	0,00	94.902,80	89.894,95	89.894,95	0,00	12.706,74	16.132,59	16.132,59	0,00	
*	Dự án chuyển tiếp																	
1	Dự án Khu dịch vụ dầu khí 35ha - Giai đoạn I (7ha)	Tr.VNĐ	2012		94/QĐ-ĐHĐCĐ-PVSB	23/7/2012	92.401,29	92.401,29	0,00	78.025,94	74.229,92	74.229,92	0,00	8.445,05	10.709,97	10.709,97	0,00	
+	Hạng mục san lấp, đường vào bãi, hệ thống cấp điện, nước và các công trình kiến trúc	Tr.VNĐ	Quý I/2015	Quý IV/2018			71.908,17	71.908,17	0,00	59.754,72	58.234,30	58.234,30	0,00	7.276,58	7.561,28	7.561,28	0,00	
+	Hạng mục bãi đá dầm tới cao độ +5,5m - Giai đoạn I (khu 07ha)	Tr.VNĐ	Quý I/2016	Quý I/2018	08/NQ-HĐQT	1/18/2016	19.493,12	19.493,12	0,00	18.271,22	15.995,61	15.995,61	0,00	168,47	2.148,70	2.148,70	0,00	
+	Xây dựng kê rọ đá bảo vệ tuyến đê bao khu bãi 07ha	Tr.VNĐ	Quý IV/2017	Quý I/2018			1.000,00	1.000,00	0,00					1.000,00	1.000,00	1.000,00	0,00	
2	Nhà văn phòng Container tại khu 7ha	Tr.VNĐ	Quý II/2017	Quý I/2018	92/QĐ-SMBĐ-ĐHĐCĐ	6/19/2017	3.277,37	3.277,37	0,00	3.177,78	3.126,87	3.126,87	0,00	658,51	658,51	658,51	0,00	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư																	
1	Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình						19.425,62	19.425,62	0,00	13.699,09	12.538,17	12.538,17	0,00	3.603,18	4.764,10	4.764,10	0,00	
+	Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng - Đợt 1 (Khu đường vào căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình)	Tr.VNĐ	2013	2018	1517/QĐ-UBND	07/04/2009	3.583,10	3.583,10	0,00	550,00	550,00	550,00	0,00	3.033,10	3.033,10	3.033,10	0,00	
+	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Căn cứ Dịch vụ HHDK Sao Mai - Bến Đình	Tr.VNĐ	2013	2018			870,00	870,00	0,00	470,48	376,39	376,39	0,00	399,52	493,61	493,61	0,00	
+	Chi phí khảo sát tư vấn điều chỉnh hướng tuyến và vị trí ga Tiền cảng Vũng Tàu tránh chong lán dự án SMBĐ	Tr.VNĐ	2015	2018			816,84	816,84	0,00	646,28	287,23	287,23	0,00	170,56	529,61	529,61	0,00	
+	Lập quy hoạch tổng thể và nghiên cứu khả thi Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tr.VNĐ	2008	2018			14.155,68	14.155,68	0,00	12.032,33	11.324,54	11.324,54	0,00		707,78	707,78	0,00	
PHẦN II: CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ																		
	Ngoại tệ	Tr.USD					0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
	Nội tệ	Tr.VNĐ					2.620,00	2.620,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2.620,00	2.620,00	2.620,00	0,00	
1	Mua sắm máy phát điện dự phòng cho nhà văn phòng container tại khu 7ha	Tr.VNĐ	2018	2018			820,00	820,00	0,00					820,00	820,00	820,00	0,00	

C) KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018



TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Thời gian		Quyết định phê duyệt F/S		Tổng mức đầu tư/ dự toán			Ước thực hiện từ khởi công đến 31/12/2017				Kế hoạch năm 2018				Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Số QĐ phê duyệt đầu tư	Ngày tháng	Tổng số	Nguồn vốn		Thực hiện	Giải ngân	Nguồn vốn		Thực hiện	Giải ngân	Nguồn vốn		
								Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác	
2	Mua sắm xe tải trọng tải 10T	Tr.VNĐ	2018	2018			850,00	850,00	0,00					850,00	850,00	850,00	0,00	
3	Xe ô tô 16 chỗ	Tr.VNĐ	2018	2018			950,00	950,00	0,00					950,00	950,00	950,00	0,00	